

Trường Đại Học Mở - Địa chất

Phòng Đào tạo Đại học

-oOo-

Kế Hoạch Đào Tạo/Hệ Ngành (CTĐT Chuẩn)

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Bậc hệ: Đại học (Tín chỉ) (1_1)**Ngành: Địa chất (DCDC)**

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BB	BBTC	BTL	LT	BT	TH	TN	ĐA	LA	TT	TS
Chương trình chung của ngành														
Học Kỳ Thứ 1														
1	4010101	Đại số	3				45							45
2	4010102	Giải tích 1	4				60							60
3	4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2				30							30
4	4010601	Tiếng Anh NEF1	3				45							45
5	4020103	Pháp luật đại cương	2				30							30
6	4080201	Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)	3				30		15					45
7	4010701	Giáo dục thể chất 1	1				15							15

*Cộng**18**255**15**270*

Học Kỳ Thứ 2														
1	4010103	Giải tích 2	3				45							45
2	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	3				30		15					45
3	4010602	Tiếng Anh NEF2	3				45							45
4	4010301	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3				30		15					45
5	4020102	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3				45							45
6	4010702	Giáo dục thể chất 2	1				15							15

*Cộng**16**210**30**240*

Học Kỳ Thứ 3														
1	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	3				30		15					45
2	4040101	Địa chất đại cương	3				45							45
3	4010703	Giáo dục thể chất 3	1				15							15
4	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				30							30
5	4010501	Cơ học lý thuyết 1	3				45							45
6	4040301	Tính thể khoáng vật + TN	3				30		15					45
7		Môn tự chọn A (ngành DCDC)	3											

*Cộng**18**195**30**225*

Học Kỳ Thứ 4														
1	4010406	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	3				45							45
2	4040107	Địa mạo và trầm tích đệ tứ	2				30							30
3	4040304	Thạch học 1 + TN	4				45		15					60
4	4050526	Trắc địa đại cương	2				30							30
5	4050527	Thực tập trắc địa đại cương	1						15					15
6	4040113	Thực tập địa chất đại cương	2						30					30
7	4010704	Giáo dục thể chất 4	1				15							15
8		Môn tự chọn A (ngành DCDC)	3											

*Cộng**18**165**60**225*

Kế Hoạch Đào Tạo/Hệ Ngành (CTĐT Chuẩn)

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Bậc hệ: Đại học (Tín chỉ) (1_1)

Ngành: Địa chất (DCDC)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BB	BBTC	BTL	LT	BT	TH	TN	ĐA	LA	TT	TS
Học Kỳ Thứ 5														
1	4040310	Địa hoá	2				30							30
2	4040401	Địa chất các mỏ khoáng + TH	3				30		15					45
3	4040104	Địa chất cấu tạo và đo vẽ bản đồ địa chất	3				45							45
4	4040616	Cơ sở địa chất thủy văn - địa chất công trình	3				45							45
5	4060142	Địa vật lý đại cương	2				30							30
6	4060143	Thực tập địa vật lý đại cương	1						15					15
7	4010705	Giáo dục thể chất 5	1				15							15
8		Môn tự chọn A (ngành DCDC)	3											

Cộng 18 195 30 225

Học Kỳ Thứ 6														
1	4040402	Các mỏ khoáng kim loại + TH	3				30		15					45
2	4040115	Thực tập địa chất cấu tạo và đo vẽ bản đồ địa chất	3						45					45
3	4040201	Phương pháp tìm kiếm mỏ khoáng +TH	3				30		15					45
4	4040403	Các mỏ khoáng không kim loại +TH	3				30		15					45
5	4040404	Các mỏ nhiên liệu	2				30							30
6		Môn tự chọn B (khoa 04)	2											
7		Môn tự chọn C (toàn trường)	2											

Cộng 18 120 90 210

Hướng chuyên sâu (DCDC_DCDC2): Địa chất khu vực và Địa chất môi trường														
Học Kỳ Thứ 7														
1	4040205	Tin ứng dụng trong Địa chất	2				30							30
2	4040136	Ứng dụng địa chất cấu tạo trong nghiên cứu tai biến địa chất	2				30							30
3	4060436	Kỹ thuật khoan	2				30							30
4	4040112	Kiến tạo mảng	2				30							30
5	4040406	Tiếng Anh chuyên ngành địa chất	3				45							45
6		Môn tự chọn B (khoa 04)	2											
7		Môn tự chọn C (toàn trường)	2											

Cộng 15 165 165

Học Kỳ Thứ 8														
1	4040108	Địa chất biến đại cương	2				30							30
2	4040405	Kiến trúc trường quặng và mỏ quặng	2				30							30
3	4040111	Địa chất môi trường	2				30							30
4	4040117	Phân tích cấu tạo nhỏ	2				30							30
5	4040120	Thực tập sản xuất	3						45					45
6		Môn tự chọn B (khoa 04)	2											
7		Môn tự chọn C (toàn trường)	2											

Cộng 15 120 45 165

Học Kỳ Thứ 9														
1	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	3				45							45
2	4030225	Cơ sở khai thác mỏ	2				30							30

Kế Hoạch Đào Tạo/Hệ Ngành (CTĐT Chuẩn)

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Bậc hệ: Đại học (Tin chỉ) (1_1)

Ngành: Địa chất (DCDC)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BB	BBTC	BTL	LT	BT	TH	TN	ĐA	LA	TT	TS
3	4040106	Địa chất Việt Nam	2				30							30
4	4040203	Phương pháp thăm dò mỏ + BTL	4				60							60
5	4060202	Phân tích bề trầm tích	2				30							30
6		Môn tự chọn B (khoa 04)	2											
7		Môn tự chọn C (toàn trường)	2											

Cộng

17

195

195

Học Kỳ Thứ 10														
1	4040121	Thực tập tốt nghiệp	4						60					60
2	4040122	Đồ án tốt nghiệp	7									105		105

Cộng

11

60

105

165

Hướng chuyên sâu (DCDC_DCDC1): Địa chất thăm dò và khoáng sản

Học Kỳ Thứ 7														
1	4040202	Toán địa chất	2				30							30
2	4040203	Phương pháp thăm dò mỏ + BTL	4				60							60
3	4040405	Kiến trúc trường quặng và mỏ quặng	2				30							30
4	4040406	Tiếng Anh chuyên ngành địa chất	3				45							45
5	4060436	Kỹ thuật khoan	2				30							30
6		Môn tự chọn B (khoa 04)	2											
7		Môn tự chọn C (toàn trường)	2											

Cộng

17

195

195

Học Kỳ Thứ 8														
1	4040408	Khoáng tướng + TH	3				30		15					45
2	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	2				30							30
3	4040111	Địa chất môi trường	2				30							30
4	4040204	Phương pháp đánh giá kinh tế địa chất tài nguyên khoáng	2				30							30
5	4040219	Thực tập sản xuất	3						45					45
6		Môn tự chọn B (khoa 04)	2											
7		Môn tự chọn C (toàn trường)	2											

Cộng

16

120

60

180

Học Kỳ Thứ 9														
1	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	3				45							45
2	4030225	Cơ sở khai thác mỏ	2				30							30
3	4040207	Địa chất mỏ	2				30							30
4	4040106	Địa chất Việt Nam	2				30							30
5	4040205	Tin ứng dụng trong Địa chất	2				30							30
6		Môn tự chọn C (toàn trường)	2											
7		Môn tự chọn B (khoa 04)	2											

Cộng

15

165

165

Học Kỳ Thứ 10														
1	4040220	Thực tập tốt nghiệp	4						60					60
2	4040221	Đồ án tốt nghiệp	7									105		105

Kế Hoạch Đào Tạo/Hệ Ngành (CTĐT Chuẩn)

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Bậc hệ: Đại học (Tín chỉ) (1_1)

Ngành: Địa chất (DCDC)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BB	BBTC	BTL	LT	BT	TH	TN	ĐA	LA	TT	TS
Cộng			11						60			105		165

Hướng chuyên sâu (DCDC_DCDC4): Địa chất biển														
Học Kỳ Thứ 7														
1	4040901	Các phương pháp nghiên cứu biển	2				30							30
2	4040103	Cổ sinh địa sử	2				30							30
3	4040411	Tiếng Anh chuyên ngành địa chất	2				30							30
4	4060436	Kỹ thuật khoan	2				30							30
5	4040108	Địa chất biển đại cương	2				30							30
6		Môn tự chọn B (khoa 04)	2											
7		Môn tự chọn C (toàn trường)	2											
Cộng			14				150							150

Học Kỳ Thứ 8														
1	4040203	Phương pháp thăm dò mỏ + BTL	4				60							60
2	4040902	Môi trường trầm tích	2				30							30
3	4040111	Địa chất môi trường	2				30							30
4	4040903	Các quá trình thủy động học và vận chuyển trầm tích	2				30							30
5	4040904	Tiến hóa đới bờ	2				30							30
6	4040120	Thực tập sản xuất	3						45					45
7		Môn tự chọn B (khoa 04)	2											
8		Môn tự chọn C (toàn trường)	2											
Cộng			19				180		45					225

Học Kỳ Thứ 9														
1	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	3				45							45
2	4030225	Cơ sở khai thác mỏ	2				30							30
3	4040109	Phương pháp viễn thám trong địa chất	2				30							30
4	4040412	Khoáng sản biển đại cương	2				30							30
5	4040106	Địa chất Việt Nam	2				30							30
6		Môn tự chọn B (khoa 04)	2											
7		Môn tự chọn C (toàn trường)	2											
Cộng			15				165							165

Học Kỳ Thứ 10														
1	4040121	Thực tập tốt nghiệp	4						60					60
2	4040122	Đồ án tốt nghiệp	7									105		105
Cộng			11						60			105		165

Hướng chuyên sâu (DCDC_DCDC3): Địa hóa - khoáng vật - thạch học														
Học Kỳ Thứ 7														
1	4040117	Phân tích cấu tạo nhỏ	2				30							30
2	4040203	Phương pháp thăm dò mỏ + BTL	4				60							60
3	4040302	Khoáng vật chuyên ngành	2				30							30
4	4040406	Tiếng Anh chuyên ngành địa chất	3				45							45
5	4060436	Kỹ thuật khoan	2				30							30
6		Môn tự chọn B (khoa 04)	2											

Kế Hoạch Đào Tạo/Hệ Ngành (CTĐT Chuẩn)

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Bậc hệ: Đại học (Tín chỉ) (1_1)

Ngành: Địa chất (DCDC)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BB	BBTC	BTL	LT	BT	TH	TN	ĐA	LA	TT	TS
7		Môn tự chọn C (toàn trường)	2											

Cộng

17

195

195

Học Kỳ Thứ 8														
1	4040408	Khoáng tướng + TH	3				30		15					45
2	4040111	Địa chất môi trường	2				30							30
3	4040204	Phương pháp đánh giá kinh tế địa chất tài nguyên khoáng	2				30							30
4	4040311	Địa hoá môi trường	2				30							30
5	4040315	Thực tập sản xuất	3						45					45
6		Môn tự chọn B (khoa 04)	2											
7		Môn tự chọn C (toàn trường)	2											

Cộng

16

120

60

180

Học Kỳ Thứ 9														
1	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	3				45							45
2	4030225	Cơ sở khai thác mỏ	2				30							30
3	4040106	Địa chất Việt Nam	2				30							30
4	4040306	Thạch học chuyên ngành phần 1	2				30							30
5	4040307	Thạch học chuyên ngành phần 2	2				30							30
6		Môn tự chọn B (khoa 04)	2											
7		Môn tự chọn C (toàn trường)	2											

Cộng

15

165

165

Học Kỳ Thứ 10														
1	4040316	Thực tập tốt nghiệp	4						60					60
2	4040317	Đồ án tốt nghiệp	7									105		105

Cộng

11

60

105

165

Hướng chuyên sâu (DCDC_DCDC5): Địa chất khai thác mỏ														
Học Kỳ Thứ 7														
1	4040203	Phương pháp thăm dò mỏ + BTL	4				60							60
2	4040406	Tiếng Anh chuyên ngành địa chất	3				45							45
3	4050505	Hình học mỏ	4				60							60
4	4060436	Kỹ thuật khoan	2				30							30
5		Môn tự chọn B (khoa 04)	2											
6		Môn tự chọn C (toàn trường)	2											

Cộng

17

195

195

Học Kỳ Thứ 8														
1	4100139	An toàn và bảo vệ môi trường trong xây dựng công trình ngầm và mỏ	2				30							30
2	4040111	Địa chất môi trường	2				30							30
3	4040204	Phương pháp đánh giá kinh tế địa chất tài nguyên khoáng	2				30							30
4	4040208	Cơ sở địa chất và phương pháp thăm dò mỏ than	2				30							30
5	4040219	Thực tập sản xuất	3						45					45
6		Môn tự chọn B (khoa 04)	2											

Kế Hoạch Đào Tạo/Hệ Ngành (CTĐT Chuẩn)

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Bậc hệ: Đại học (Tín chỉ) (1_1)

Ngành: Địa chất (DCDC)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BB	BBTC	BTL	LT	BT	TH	TN	ĐA	LA	TT	TS
7		Môn tự chọn C (toàn trường)	2											

Cộng 15 120 45 165

Học Kỳ Thứ 9														
1	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	3				45							45
2	4030225	Cơ sở khai thác mỏ	2				30							30
3	4040106	Địa chất Việt Nam	2				30							30
4	4040207	Địa chất mỏ	2				30							30
5	4040209	Công tác địa chất trong các xí nghiệp khai thác than	2				30							30
6	4040211	Thực tập địa chất mỏ	1						15					15
7		Môn tự chọn B (khoa 04)	2											
8		Môn tự chọn C (toàn trường)	2											

Cộng 16 165 15 180

Học Kỳ Thứ 10														
1	4040220	Thực tập tốt nghiệp	4						60					60
2	4040221	Đồ án tốt nghiệp	7									105		105

Cộng 11 60 105 165

Môn tự chọn A (ngành DCDC) (_ADCDC): Tín chỉ tự chọn 6														
1	4010303	Hoá vô cơ phần 1 + TN	3				30		15					45
2	4010305	Hóa phân tích phần 1+ TN	3				30		15					45
3	4010307	Cân bằng pha và hóa keo + TN	3				30		15					45

Cộng 9 90 45 135

Môn tự chọn B (khoa 04) (_BKH04): Tín chỉ tự chọn 8														
1	4030113	Kỹ thuật khoan nổ mìn	2				30							30
2	4030306	Cơ học đá và khối đá 1	2				30							30
3	4040103	Cổ sinh địa sử	2				30							30
4	4040107	Địa mạo và trầm tích đệ tứ	2				30							30
5	4040108	Địa chất biển đại cương	2				30							30
6	4040109	Phương pháp viễn thám trong địa chất	2				30							30
7	4040111	Địa chất môi trường	2				30							30
8	4040112	Kiến tạo mảng	2				30							30
9	4040117	Phân tích cấu tạo nhỏ	2				30							30
10	4040118	Các mô hình địa động lực	2				30							30
11	4040119	Địa chất du lịch	2				30							30
12	4040136	Ứng dụng địa chất cấu tạo trong nghiên cứu tai biến địa chất	2				30							30
13	4040202	Toán địa chất	2				30							30
14	4040206	Hệ thống thông tin địa lý ứng dụng trong địa chất (GIS)	2				30							30
15	4040210	Lập và phân tích dự án đầu tư phát triển mỏ	2				30							30
16	4040217	Địa thống kê	2				30							30
17	4040218	Luật khoáng sản và luật môi trường	2				30							30

Kế Hoạch Đào Tạo/Hệ Ngành (CTĐT Chuẩn)

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Bậc hệ: Đại học (Tín chỉ) (1_1)

Ngành: Địa chất (DCDC)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BB	BBTC	BTL	LT	BT	TH	TN	ĐA	LA	TT	TS
18	4040303	Khoáng vật sét	2				30							30
19	4040310	Địa hoá	2				30							30
20	4040312	Trầm tích học	2				30							30
21	4040318	Địa hoá môi trường sinh thái	2				30							30
22	4040407	Kinh tế nguyên liệu khoáng	2				30							30
23	4040409	Khoáng sàng đại cương	2				30							30
24	4040412	Khoáng sản biến đại cương	2				30							30
25	4040413	Khoáng sản Việt Nam	2				30							30
26	4040506	Địa chất động lực công trình	3				45							45
27	4040529	Thiết bị khảo sát trong địa chất công trình	2				30							30
28	4040602	Thủy văn đại cương	2				30							30
29	4040630	Quản lý tài nguyên nước dưới đất	2				30							30
30	4040636	Thoát nước công trình ngầm và mỏ	2				30							30
31	4050501	Trắc địa mỏ lộ thiên và xây dựng mỏ	3				45							45
32	4060103	Thăm dò điện 1	3				45							45
33	4060117	Thăm dò địa chấn	3				45							45
34	4060121	Địa vật lý giếng khoan + TH	3				30		15					45
35	4060124	Địa nhiệt	2				30							30
36	4080203	Cơ sở lập trình	3				45							45
37	4090413	Thủy lực cơ sở B	2				30							30

Cộng

80

1,185

15

1,200

Môn tự chọn C (toàn trường) (CCHUNG): Tín chỉ tự chọn 8

1	4000001	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính	2		0101		30							30
2	4000002	Tâm lý học đại cương	2		0101		30							30
3	4000003	Tiếng Việt thực hành	2		0101		30							30
4	4000004	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2		0101		30							30
5	4000005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	2		0101		30							30
6	4000006	Kỹ năng tư duy phê phán	2		0101		30							30
7	4010403	Autocad + TH	2				15		15					30
8	4010603	Tiếng Anh 3	2				30							30
9	4010604	Tiếng Anh 4	2				30							30
10	4010605	Tiếng Nga 1	2				30							30
11	4010606	Tiếng Nga 2	2				30							30
12	4010607	Tiếng Trung 1	2				30							30
13	4010608	Tiếng Trung 2	2				30							30
14	4020104	Lịch sử Triết học	2		0101		30							30
15	4030114	Cơ sở khai thác lộ thiên	2				30							30
16	4030222	Cơ sở khai thác hầm lò	2				30							30
17	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	2				30							30
18	4040101	Địa chất đại cương	3				45							45
19	4040110	Địa mạo cảnh quan	2				30							30
20	4040517	Cơ sở địa chất công trình - địa chất thủy văn	3				45							45
21	4040825	Cơ sở sinh vật học	2				30							30

Kế Hoạch Đào Tạo/Hệ Ngành (CTĐT Chuẩn)

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Bậc hệ: Đại học (Tín chỉ) (1_1)

Ngành: Địa chất (DCDC)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BB	BBTC	BTL	LT	BT	TH	TN	ĐA	LA	TT	TS
22	4050203	Định vị vệ tinh (GPS)- A(cho ngành Trắc địa) + BTL	3				45							45
23	4050206	Trắc địa mặt cầu + BTL	2				30							30
24	4050301	Cơ sở hệ thông tin địa lý (GIS)	3				45							45
25	4050302	Cơ sở viễn thám	2				30							30
26	4050509	Kỹ thuật môi trường	2				30							30
27	4050513	Quy hoạch và quản lý môi trường	2				30							30
28	4050526	Trắc địa đại cương	2				30							30
29	4050602	Kỹ thuật lập trình trong trắc địa	2				30							30
30	4050610	Địa chính đô thị	2				30							30
31	4050616	Quản lý bất động sản	2				30							30
32	4050621	Hệ thống hỗ trợ ra quyết định trong quản lý đất đai	2				30							30
33	4050623	Hệ thống thông tin đất đai 2	2				30							30
34	4050649	Quy hoạch vùng	3				45							45
35	4050650	Phương pháp lập dự án đầu tư	2				30							30
36	4050653	Quản lý đất đô thị	2				30							30
37	4060142	Địa vật lý đại cương	2				30							30
38	4060339	Cơ sở lọc hóa dầu	2				30							30
39	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	2				30							30
40	4070304	Kinh tế và quản trị doanh nghiệp	3				45							45
41	4070331	Quản trị dự án đầu tư	2				30							30
42	4070335	Một số vấn đề cơ bản về quản lý Nhà nước trong hoạt động dầu khí	2				30							30
43	4070336	Văn hóa doanh nghiệp	2				30							30
44	4070401	Nguyên lý kế toán	3				45							45
45	4070403	Kế toán tài chính 1	4				60							60
46	4080153	Thiết kế Website	2				30							30
47	4080309	Hệ quản trị nội dung mã nguồn mở	2				30							30
48	4090301	Kỹ thuật điện +TN	3				30		15					45
49	4100167	Cơ sở xây dựng công trình ngầm và mỏ	2				30							30
50	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2				30							30
51	4110130	Địa y học	2				30							30
52	4110236	Môi trường và con người	2				30							30
Cộng			114				1,680		30					1,710
SV chọn tối đa 2 TC trong các MH nhóm tự chọn 01														
Tổng cộng			603				6510		915			525		7950

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu